

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ - ST

Ngày 10/01/2025

*“V/vtranh chấp hôn nhân
và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG - TỈNH QUẢNG NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Văn Điền.
- Các hội thẩm nhân dân: ông Bùi Đức Nhân và bà Lê Thu Thủy
- **Thư ký phiên tòa:** bà Lư Thu Hương - Là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh:
ông Trần Mạnh T - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 176/2024/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc: *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 249/2024/QĐXX - ST ngày 06 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 253/2024/QĐST- HNGĐ ngày 27/12/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* ông Vũ Thanh H, sinh năm 1964; nơi thường trú: tổ 89, khu 8, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, có mặt.

* *Bị đơn:* bà Phạm Thị T (tên gọi khác: T2), sinh năm 1974; nơi thường trú: tổ 89, khu 8, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, (bà T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23/11/2023, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Vũ Thanh H trình bày: ông tự nguyện kết hôn với bà Phạm Thị T (tên gọi khác: T2), sinh năm 1974; nơi thường trú: tổ 89, khu 8, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 14 tháng 5 năm 1991, đăng ký kết hôn tại UBND phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau tại tổ 89, khu 8, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình

chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống làm ăn sinh hoạt, bản thân ông và gia đình hai bên cũng đã động viên khuyên giải nhiều lần nhưng bà T không tiếp thu sửa chữa dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng. Hai bên sống ly thân nhau.

Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, có tiếp tục chung sống cũng không thể đem lại hạnh phúc cho nhau, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà Phạm Thị T để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung Vũ Thanh T3 sinh ngày 19/12/1992 và Vũ Thanh L, sinh ngày 26/01/2000, các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung và vay nợ: ông H xác định vợ chồng có tài sản chung hai bên tự thỏa thuận và không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã giao giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án và tổng đạt thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bà T (tức T2) song bà T đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không T hành hoà giải được do bà T vắng mặt làm căn cứ để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã T hành xác minh tại UBND phường H2, thành phố Hạ Long nơi ông H và bà T đang sinh sống, bà Đinh Thị H tổ trưởng tổ 89, khu 8 và ông Vũ Đức C. Chủ tịch UBND phường H2, thành phố Hạ Long cho biết, ông Vũ Thanh H và bà Phạm Thị T (tên gọi khác: T2), sinh năm 1974; nơi thường trú: tổ 89, khu 8, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tự nguyện kết hôn với nhau ngày 14 tháng 5 năm 1991, đăng ký kết hôn tại UBND phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau tại tổ 89, khu 8, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, khu phố cũng đã động viên khuyên giải nhiều lần để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng không có kết quả.

Nay ông H có đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với bà T, quan điểm của địa phương nếu vợ chồng không về đoàn tụ được thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết.

- Về con chung: ông H và bà T có 02 con chung Vũ Thanh T3 sinh ngày 19/12/1992 và Vũ Thanh L, sinh ngày 26/01/2000, các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về tài sản chung và vay nợ của ông H và bà T địa phương không nắm được.

Tại phiên toà bà T vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện không pH bà T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ mà là gây khó khăn cho ông H cũng như Toà án trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà có quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên toà là đảm bảo theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt tại phiên toà, vi phạm nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ý kiến giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 51 và 56 của Luật hôn nhân và đình, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: ông Vũ Thanh H khởi kiện ly hôn với bà Phạm Thị T (tên gọi khác: T2), sinh năm 1974; nơi thường trú: tổ 89, khu 8, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết Tòa án đã tổng đạt cho nguyên đơn và bị đơn đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân của ông Vũ Thanh H và bà Phạm Thị T (tên gọi khác T2) là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng nhau tại tổ 89, khu 8, phường H2, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến tháng 12 năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách hai bên không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống làm ăn sinh hoạt, bản thân ông H và gia đình hai bên cũng đã động viên khuyên giải nhiều lần nhưng bà T không tiếp thu sửa chữa dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng.

Nay ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, có tiếp tục chung sống cũng không đem lại hạnh phúc cho nhau, nên ông H yêu cầu Tòa giải quyết cho ly hôn giữa ông và bà T để sớm ổn định cuộc sống. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng cũng không có biện pháp gì để khắc phục mâu thuẫn và không còn quan T3 dành tình cảm cho nhau là sự thật. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn ông Vũ Thanh H với bà Phạm Thị T (tên gọi khác Phạm

Thị T2) là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân ông Vũ Thanh H với bà Phạm Thị T có 02 con chung Vũ Thanh T3 sinh ngày 19/12/1992 và Vũ Thanh L, sinh ngày 26/01/2000, các con chung đã thành niên (đủ 18 tuổi). Nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Trong bản tự khai và tại phiên toà ông H xác định vợ chồng có tài sản chung hai bên tự thoả thuận và không vay nợ ai, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] *Về nghĩa vụ chịu án phí*: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nên ông H pH chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Thanh H.

Xử:

1. *Về hôn nhân*: ông Vũ Thanh H được ly hôn với bà Phạm Thị T (tên gọi khác Phạm Thị T2).

2. *Về án phí*: ông Vũ Thanh H pH nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn ông H đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0001015 ngày 10/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

3. *Về quyền kháng cáo*: có mặt nguyên đơn ông Vũ Thanh H báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vắng mặt bị đơn bà Phạm Thị T (tên gọi khác Phạm Thị T2) báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án./.

Nơi nhận:

- VKSND Tp Hạ Long;
- Tòa án ND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS Tp Hạ Long;
- Các đương sự;
- UBND phường H2 (nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Điền

